

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC XIII

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan; Quyết định số 2019/QĐ-BTC ngày 11/6/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 382/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-CHQ ngày 30/6/2025 của Cục Hải quan quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan khu vực thuộc Cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-HQKV13 ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chi cục Hải quan khu vực XIII về ban hành Quy chế làm việc;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2864/QĐ-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính thuộc mới ban hành trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông báo số 1270/TB-HQKV13 ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Chi cục Hải quan khu vực XIII thông báo niêm yết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Chi cục Hải quan khu vực XIII phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Chi cục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Hải quan (để b/c);
- UBND tỉnh Khánh Hòa (để/c);
- UBND tỉnh Lâm Đồng (để b/c);
- Lưu: VT, VP.

CHI CỤC TRƯỞNG

Vũ Lê Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC XIII

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Chi cục Hải quan khu vực XIII phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với chức năng quản lý nhà nước và giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan

(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 227/QĐ-HQKV13 ngày 25/8/2025 của Chi cục Hải quan khu vực XIII)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CHI CỤC TRƯỞNG

Vũ Lê Quân

CỤC HẢI QUAN
CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC XIII

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
CỦA CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC XIII ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 227/QĐ-HQKH ngày 25/8/2025
của Chi cục Hải quan khu vực III)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I. Thủ tục hành chính thực hiện ở cấp Cục, Chi cục, Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	
1	Báo cáo mất, cháy, hỏng tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu
2	Báo cáo hoàn thành hủy tem điện tử thuốc lá nhập khẩu, hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu.
3	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cửa hàng miễn thuế
4	Thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa
5	Thủ tục gia hạn nộp thuế
6	Thủ tục nộp dần tiền thuế nợ
7	Thủ tục trao đổi, xử lý thông tin giữa người nộp thuế với cơ quan hải quan
II. Thủ tục hành chính thực hiện ở cấp Cục, Chi cục	
1	Thủ tục tạm dừng hoạt động/hoạt động trở lại kho ngoại quan; kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra giám sát hải quan
2	Thủ tục cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ (đối với doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ nằm trong khu vực cảng biển, cảng cạn là doanh nghiệp kinh doanh cảng)
3	Thủ tục tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan
III. Thủ tục hành chính thực hiện ở cấp Chi cục, Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	
1	Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô
2	Thủ tục tham vấn trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

IV. Thủ tục hành chính thực hiện ở cấp Cục Hải quan	
1	Thủ tục đề nghị, gia hạn và chấm dứt thời hạn kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và bổ sung, thay đổi thông tin đề nghị kiểm tra, giám sát
2	Thủ tục xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
3	Thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu
4	Chấm dứt đại lý giám sát hải quan
5	Thủ tục đăng ký, công nhận Đại lý giám sát hải quan
6	Thủ tục mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu của cửa hàng miễn thuế
7	Thủ tục xác nhận kho xăng dầu đủ điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan
8	Thủ tục công nhận kho bảo thuế
9	Thủ tục mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan, kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa; địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
10	Thủ tục công nhận kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
11	Thủ tục tạm dừng hoạt động/hoạt động trở lại của địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa
12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của cửa hàng miễn thuế
13	Thủ tục chấm dứt hoạt động kho ngoại quan; kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ, kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
14	Thủ tục công nhận địa điểm thu gom hàng lẻ
15	Thủ tục công nhận kho ngoại quan
16	Thủ tục công nhận kho hàng không kéo dài
17	Thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới

18	Thủ tục chấm dứt hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa
19	Thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung thông tin và hủy hiệu lực thông tin tài khoản người sử dụng thông qua hệ thống ACTS
20	Thủ tục công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên
21	Thủ tục đình chỉ, thu hồi quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên
22	Thủ tục thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan
23	Thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc
24	Thủ tục tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan
25	Thủ tục chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan
26	Thủ tục tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan
27	Thủ tục cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan
28	Thủ tục gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan
29	Thủ tục cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan
30	Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan
31	Thủ tục công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan
32	Thủ tục chấm dứt đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng với ngân hàng thương mại được lựa chọn làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng
33	Thủ tục lựa chọn Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng
34	Thủ tục kiểm tra khoản giảm giá đối với hàng nhập khẩu thuộc thẩm quyền Cục Hải quan
35	Thủ tục xác định trước trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
36	Thủ tục xác định trước mã số đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
37	Thủ tục xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế
38	Thủ tục đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử
39	Thủ tục bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử
40	Thủ tục đăng ký kết nối, hủy kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử
41	Thủ tục đăng ký tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia
42	Thủ tục khóa tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia
43	Thủ tục kích hoạt tài khoản (đã khóa) người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia
44	Thủ tục thu hồi tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia
45	Thủ tục đăng ký sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính hải quan một cửa

46	Thủ tục công nhận doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực hải quan
47	Thủ tục kết nối kỹ thuật giữa Cổng thanh toán điện tử hải quan và hệ thống trao đổi thông tin của ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
V. Thủ tục hành chính thực hiện ở cấp Chi cục	
1	Thông báo phát hành Biên lai
2	Thông báo kết quả hủy Biên lai
3	Kiểm tra việc in, phát hành, quản lý và sử dụng Biên lai
4	Thủ tục tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam
5	Thủ tục thông báo danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu đối với các trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế
6	Thủ tục cấp sổ định mức miễn thuế đối với hàng hóa của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ
7	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sau thông quan thuộc thẩm quyền của Cục Hải quan
8	Thủ tục cấp giấy tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ
9	Thủ tục cấp giấy chuyển nhượng xe ô tô của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ
10	Thủ tục tạm dừng hoạt động kinh doanh/ kinh doanh trở lại cửa hàng miễn thuế
11	Thủ tục xét hoàn thuế xe ô tô chuyên dùng được sản xuất, lắp ráp từ xe ô tô sát xi
12	Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ô tô
13	Thủ tục đăng ký Sổ hải quan giám sát phương tiện và Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan
14	Thủ tục kiểm tra khoản giảm giá đối với hàng nhập khẩu thuộc thẩm quyền của Chi cục Hải quan khu vực trực thuộc Trung ương
15	Thủ tục thành lập địa điểm kiểm tra là chân công trình hoặc kho của công trình, nơi sản xuất
16	Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng, chứng từ điện tử/Ủy nhiệm lập biên bản điện tử
17	Thông báo phát hành biên lai đặt in/ tự in
18	Thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành biên lai
19	Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu phí, lệ phí
20	Tiêu hủy biên lai
21	Báo cáo biên lai đặt in, tự in trong trường hợp mất, cháy, hỏng
22	Hồ sơ mua tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu
23	Báo cáo tình hình sử dụng tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu

VI. Thủ tục hành chính thực hiện ở cấp Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	
1	Thủ tục xem hàng hoá trước khi khai hải quan
2	Thủ tục hải quan nhập khẩu kim cương thô
3	Thủ tục hải quan xuất khẩu kim cương thô
4	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ các yêu cầu khẩn cấp; hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyên dùng trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh
5	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người nhập cảnh, xuất cảnh thất lạc, nhầm lẫn
6	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã xuất khẩu nhưng bị trả lại
7	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã nhập khẩu nhưng phải xuất trả lại cho khách hàng nước ngoài, tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan
8	Thủ tục hải quan đối với hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi
9	Thủ tục đưa hàng về bảo quản
10	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký tờ khai một lần
11	Thủ tục khai bổ sung hồ sơ hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
12	Thủ tục huỷ tờ khai hải quan
13	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư (thủ công – điện tử)
14	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra khu thương mại tự do, khu phi thuế quan
15	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra đưa vào kho bảo thuế
16	Thủ tục thuê kho bên ngoài doanh nghiệp chế xuất để lưu giữ nguyên liệu, sản phẩm của doanh nghiệp chế xuất, quản lý hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho
17	Thủ tục kiểm tra, xác nhận khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đăng ký doanh nghiệp chế xuất
18	Thủ tục kiểm tra thực tế điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất (bao gồm doanh nghiệp có dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng)
19	Thủ tục kiểm tra thực tế điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có) hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đang trong quá trình hoạt động, bao gồm cả các doanh nghiệp chế xuất đã được cơ quan hải quan xác nhận về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành

20	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quyền phân phối của doanh nghiệp chế xuất
21	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài theo quyền xuất khẩu, nhập khẩu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
22	Thủ tục đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, để xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị cho doanh nghiệp chế xuất, hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định, hàng tiêu dùng nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất
23	Thủ tục xuất khẩu nguyên liệu, vật tư đặt gia công ở nước ngoài
24	Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế thải, phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê mượn
25	Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị tạm xuất phục vụ gia công
26	Thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ; Thủ tục mua bán hàng hóa giữa doanh nghiệp chế xuất với doanh nghiệp nội địa; Thủ tục mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp chế xuất; Thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp; Thủ tục đối với nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu trước khi ký kết hợp đồng gia công, bên nhận gia công được sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để cung ứng cho hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài
27	Thủ tục tạm xuất sản phẩm gia công ra nước ngoài để tái chế sau đó tái nhập trở lại Việt Nam
28	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; Thủ tục đối với phế liệu, phế phẩm được phép xuất khẩu ra nước ngoài; Thủ tục xuất khẩu sản phẩm làm từ nguyên liệu nhập khẩu; Thủ tục đối với phế liệu, phế phẩm của doanh nghiệp chế xuất được phép bán vào thị trường nội địa; Thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công
29	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan
30	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ khu phi thuế quan hoặc từ nội địa vào kho ngoại quan
31	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài
32	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan đưa vào nội địa hoặc nhập khẩu vào khu phi thuế quan hoặc tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế
33	Thủ tục thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu
34	Thủ tục thông báo hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công
35	Thủ tục thay đổi cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan đã đưa ra cửa khẩu xuất nhưng không xuất được hoặc chỉ xuất được một phần
36	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu; Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng cho hợp đồng gia công; Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài; Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu; Thủ

	tục nhập khẩu sản phẩm đặt gia công ở nước ngoài
37	Thủ tục đề nghị tạm dừng, gia hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
38	Trừ lùi chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu
39	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá của người xuất cảnh, nhập cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua biên giới
40	Thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu là tài liệu chứng từ không có giá trị thương mại gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế
41	Thủ tục đối với hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế trong định mức theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, trừ hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu hoặc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế
42	Thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu có giá trị dưới năm triệu đồng Việt Nam và không có thuế xuất khẩu, trừ hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu hoặc thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế
43	Thủ tục đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa xuất khẩu đóng ghép với hàng hóa quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế
44	Thủ tục hàng hóa lạc tuyến quốc tế (hàng hóa từ nước này lạc tuyến sang nước khác)
45	Thủ tục điện tử đối với tàu biển đã nhập cảnh ở một cảng biển của Việt nam sau đó đến cảng biển, cảng thủy nội địa khác và phương tiện nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng biển, cảng thủy nội địa Việt Nam
46	Thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 và Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ bưu chính.
47	Thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa xuất khẩu có trị giá hải quan dưới 5 triệu đồng, được miễn thuế xuất khẩu hoặc chịu thuế xuất khẩu với thuế suất là 0% và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép xuất khẩu, kiểm tra chuyên ngành
48	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh
49	Thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu có trị giá hải quan trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh.
50	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu có trị giá hải quan dưới năm triệu đồng, được miễn thuế xuất khẩu hoặc chịu thuế xuất khẩu với thuế suất là 0%, không thuộc mặt hàng phải có giấy phép xuất khẩu, kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh

51	Thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để sửa chữa bảo dưỡng
52	Thủ tục tàu thuyền nước ngoài quá cảnh VN đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền VN, tàu thuyền Campuchia có số hồ hiệu IMO nhập cảnh, xuất cảnh qua sông Tiền, sông Hậu
53	Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường sông
54	Thủ tục hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh
55	Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh
56	Thủ tục hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh
57	Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh
58	Thủ tục nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy không nhằm mục đích thương mại
59	Thủ tục tái xuất xe ô tô, xe gắn máy đã tạm nhập khẩu miễn thuế
60	Thủ tục chuyển nhượng, cho, tặng xe ô tô, xe gắn máy đã tạm nhập khẩu miễn thuế
61	Thủ tục hải quan kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá trung chuyển tại cảng biển
62	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển độc lập
63	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển kết hợp
64	Thủ tục hải quan hàng hóa là tài sản di chuyển
65	Thủ tục hải quan đối với hàng bán tại cửa hàng miễn thuế, nhưng chuyển sang tái xuất
66	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế, nhưng được đưa vào bán ở thị trường nội địa
67	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế
68	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập – tái xuất
69	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để phục vụ hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, khám chữa bệnh, nghiên cứu và phát triển sản phẩm trong thời hạn nhất định
70	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm.
71	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế
72	Thủ tục hải quan đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất các phương tiện chứa hàng hoá theo phương thức quay vòng

73	Thủ tục hải quan đối với thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, khuôn, mẫu tạm nhập-tái xuất, tạm xuất - tái nhập để sản xuất, thi công công trình, thực hiện dự án, thử nghiệm.
74	Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài
75	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập -tái xuất, tạm xuất - tái nhập khác
76	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất phát từ Việt Nam quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN khác
77	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS từ các nước ngoài ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN
78	Thủ tục khai bổ sung tờ khai quá cảnh hải quan
79	Thủ tục hủy tờ khai quá cảnh hải quan
80	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN và nhập khẩu vào Việt Nam hoặc hàng hóa quá cảnh từ các nước thành viên ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến các nước ngoài ASEAN
81	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN khác
82	Thủ tục dự phòng thông quan Hệ thống ACTS trong trường hợp Hệ thống ACTS không hoạt động (thủ tục quá cảnh hàng hóa ACTS dự phòng)
83	Thủ tục bảo lãnh hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS
84	Thủ tục đặt cọc tiền bảo lãnh hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS
85	Thủ tục miễn bảo lãnh nhiều hành trình thông qua Hệ thống ACTS
86	Thủ tục giảm bảo lãnh nhiều hành trình thông qua Hệ thống ACTS
87	Thủ tục hủy bỏ bảo lãnh thông qua Hệ thống ACTS
88	Thủ tục tạm xuất đối với hàng hóa tạm quản
89	Thủ tục tái nhập đối với hàng hóa tạm quản
90	Thủ tục tạm nhập đối với hàng hóa tạm quản
91	Thủ tục tái xuất đối với hàng hóa tạm quản
92	Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế
93	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nội địa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế

94	Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế
95	Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam
96	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, khách trên tàu bay xuất cảnh, khách du lịch bằng đường biển, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam
97	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế
98	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam
99	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa
100	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa
101	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế
102	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách
103	Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất trong trường hợp hàng hóa nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa
104	Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế
105	Thủ tục đối với tiền mặt của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu vực hạn chế
106	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa miễn thuế trong trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Chi cục Hải quan khu vực khác nhau
107	Tái xuất khẩu xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ
108	Tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ
109	Chuyển nhượng xe ô tô của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ
110	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu thực hiện thủ tục theo hình thức vận chuyển độc lập
111	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh
112	Thủ tục hải quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất, chế biến xăng, dầu

113	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu nhập khẩu, tạm nhập
114	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu xuất khẩu, tái xuất
115	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí chuyên tiêu thụ nội địa
116	Thủ tục hải quan đối với khí, nguyên liệu xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường ống chuyên dụng
117	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí quá cảnh
118	Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế xăng dầu, khí
119	Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu xăng dầu, khí
120	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu cung ứng xuất khẩu, tái xuất cho máy bay
121	Thủ tục hải quan đối với xuất khẩu, tái xuất xăng dầu cho tàu biển
122	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân qua cửa khẩu biên giới
123	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới
124	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thương nhân mua gom của cư dân biên giới
125	Thủ tục kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa
126	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong thông quan thuộc thẩm quyền của Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
127	Thủ tục hoàn thuế, hoàn tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
128	Thủ tục không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
129	Thủ tục miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
130	Thủ tục miễn thuế đối với tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế của cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động
131	Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô
132	Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49
133	Thủ tục khai báo giá tạm tính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khai báo khoản phí bản quyền, giấy phép; các khoản tiền mà người nhập khẩu phải trả từ số tiền thu được sau khi bán lại, định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu được chuyển trực tiếp hay gián tiếp cho người bán dưới mọi hình thức đối với trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai chưa xác định được giá
134	Thủ tục phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam
135	Thủ tục phân loại máy móc, thiết bị nguyên chiếc ở dạng tháo rời